

**-TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 17-9-2024.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khương Thị Lơ và bà Vũ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự thụ lý số 10/2024/TLST - DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10/2024/TB- TA ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Hà Văn V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 82 MH, xã NL, huyện CG, tỉnh HD.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hà Văn V: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường HT, thành phố HD, tỉnh HD.

2. **Bị đơn:** Anh Ngô Đức B, sinh năm 1983, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Đều có địa chỉ: Số 02 ngõ 118, khu TN, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Hà Thị T, anh Ngô Đức B không có quan hệ họ hàng mà chỉ quen biết nhau ngoài xã hội, trước đây chị T anh B là khách hàng của anh. Do có nhu cầu cần tiền nên vợ chồng chị T anh B hỏi vay tiền để lấy hàng (đồ nhựa) và biến thể điện thì anh đồng ý. Anh cho vợ chồng chị T anh B vay làm nhiều lần, mỗi lần vay đều thể hiện bằng cách viết giấy biên nhận với nhau do chị T là người trực tiếp viết tại gia đình anh, sau đó vợ chồng anh chị cùng ký vào giấy biên nhận. Mọi chữ ký, chữ viết đều là của chị T, anh B viết, ký trên tinh thần hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì tin tưởng và chỗ quen biết nhau từ trước nên anh không yêu cầu vợ chồng chị T anh B phải thế chấp hay dùng bất cứ tài sản gì đảm bảo cho khoản vay. Đến ngày 21/01/2022, vợ chồng chị T anh B tiếp tục hỏi vay số tiền 180.000.000đồng anh đồng ý, đồng thời anh yêu cầu vợ chồng chị T anh B ngồi chốt sổ nợ với anh, cụ thể: số tiền vay cũ và số tiền vay mới tính đến ngày 21/01/2022 dương lịch là 1.557.000.000đồng. Tại nhà riêng của anh thì chị T lập Giấy cam kết, thể hiện nội dung: "...Vợ chồng chị T anh B có HKTT khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách có vay của ông Viét, bà Liên số tiền cũ là 1.377.000.000đồng, mới là 180.000.000đồng và hẹn 377.000.000đồng và 180.000.000đồng sẽ trả vào cuối tháng 02 âm lịch, còn 1.000.000.000đồng hẹn đến tháng 12/2022 âm lịch sẽ trả hết...". Trong giấy cam kết không thể hiện lãi nhưng hai bên thống nhất thỏa thuận với nhau bằng lời nói với mức lãi suất 13%/năm tại thời điểm vay. Vợ chồng chị T anh B đã nhận đủ số tiền 1.557.000.000đồng của anh. Đến thời hạn thanh toán như Giấy cam kết, anh nhiều lần yêu cầu chị T anh B trả nợ nhưng anh chị không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B phải trả nợ cho anh một lần số tiền nợ gốc là 1.557.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 17/9/2024 là 554.354.000đồng và lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Vợ chồng anh chị và anh Hà Văn V quen biết nhau từ lâu. Anh chị thừa nhận có vay của anh V tổng số tiền 1.557.000.000đồng theo Giấy cam kết được

lập ngày 21/01/2022 (dương lịch) là hoàn toàn chính xác. Số tiền vay anh chị sử dụng chung vào mục đích gia đình, cụ thể dùng vào việc lấy hàng đồ nhựa và biến thể điện. Anh chị xác nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh chị nên anh chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh V. Trước đó anh chị đã từng vay anh V nhiều lần, mỗi lần vay các bên đều lập giấy biên nhận với nhau. Sau đó, đến ngày 21/01/2022 (dương lịch) anh chị cùng với anh V thống nhất với nhau việc chốt nợ và gộp các giấy biên nhận trước thành 01 bản Giấy cam kết mới. Tại giấy cam kết lập ngày 21/01/2022 hai bên thống nhất về tổng số tiền vay 1.557.000.000đồng (trong đó số tiền vay cũ là 1.377.000.000đồng, vay mới 180.000.000đồng) và hẹn đến cuối tháng 2 (âm lịch) sẽ trả 557.000.000đồng; đến tháng 12 năm 2022 (âm lịch) sẽ trả nốt số tiền còn lại là 1.000.000.000đồng. Chị là người trực tiếp viết giấy cam kết thể hiện số tiền vay, thời hạn trả, sau đó cả chị anh đều ký ghi rõ họ tên trong giấy cam kết trên tinh thần tự nguyện, hoàn toàn minh mẫn tỉnh táo, không bị ai ép buộc. Mọi chữ ký, chữ viết đều là của anh chị. Trong giấy cam kết hai bên không thể hiện lãi suất cho vay nhưng thỏa thuận bằng lời nói với nhau theo mức lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay là 13%/năm cũng là phù hợp với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước quy định. Đến thời hạn thanh toán theo Giấy cam kết, do việc kinh doanh của anh chị gặp khó khăn thua lỗ kéo dài nên anh chị chưa thanh toán khoản tiền gốc, nợ lãi nào cho anh V. Vì vậy, anh V khởi kiện anh chị ra Tòa là đúng, chính xác, anh chị nhất trí thanh toán về số nợ gốc 1.557.000.000đồng, đối với số tiền lãi mà anh V tạm tính đến ngày 17/9/2024 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì anh chị đề nghị nguyên đơn anh V cho anh chị miễn toàn bộ tiền lãi. Đồng thời, đề nghị anh V tạo điều kiện gia hạn cho anh chị về mặt thời gian, phương thức thanh toán trả nợ. Hiện nay anh chị không có khả năng trả ngay một lần cho anh V được vì công việc thu nhập của anh chị không ổn định, gặp khó khăn về tài chính, khi nào anh chị có điều kiện sẽ tự thanh toán cho anh V.

Tại biên bản lấy lời của chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị là vợ của anh Hà Văn V. Anh V và chị T anh B quen biết nhau ngoài xã hội và là khách hàng làm ăn với nhau. Chị nhiều lần nhiều chứng kiến việc hai bên cho nhau vay tiền tại nhà chị, có lần anh V chuyển tiền qua tài khoản của chị T, có lần anh V giao tiền mặt trực tiếp cho chị T, tất cả các lần chuyển khoản, giao tiền mặt đều có mặt chị T và anh B, sau đó vợ chồng chị T đều kiểm đếm tiền tại nhà chị. Chị không biết hai bên có thỏa thuận về lãi hay không. Số tiền 1.557.000.000đồng

không phải là tài sản chung của vợ chồng chị mà là tiền của riêng cá nhân anh V. Nguồn tiền anh V cho chị T anh B vay do anh V lao động tiết kiệm, tích góp được trước khi lấy chị, số tiền này không liên quan đến chị. Sở dĩ trong Giấy cam kết có tên chị là vì nhiều lần chị T anh B đến nhà chị để hỏi vay tiền anh V nên biết chị là vợ anh V, do vậy chị T đã tự tay ghi tên chị vào giấy cam kết chứ thực tế chị không liên quan đến việc vay nợ giữa anh V với chị T anh B. Chị nắm được đến thời điểm này chị T, anh B vẫn còn nợ anh V tiền gốc là 1.557.000.000đồng và tiền lãi như anh V khởi kiện. Chị không liên quan gì đến vụ án này và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh V. Đề nghị Tòa án căn cứ vào cách quy định pháp luật để giải quyết vụ án làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự trong vụ án và không đưa chị vào tham gia tư cách tố tụng trong vụ án. không triệu tập chị đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B phải thanh toán một lần tổng số nợ gốc cho anh Hà Văn V là 2.111.354.000đồng (trong đó số tiền gốc 1.557.000.000đồng và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử 17/9/2024 là 554.354.000đồng). Ngoài ra nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn V: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Đức B phải trả anh Hà Văn V số tiền gốc là 1.557.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử theo quy định. Chị T, anh B tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử (18/9/2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho anh Hà Văn V số tiền đã tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Hà Văn V yêu cầu giải quyết về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Đức B hiện cư trú tại số nhà 02 ngõ 118 khu TN, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD. Căn cứ tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

[1.2]. Về sự vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn V có đơn xin vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét giá trị pháp lý của Giấy cam kết được lập ngày 21/01/2022 thì thấy: Việc thiết lập Giấy cam kết được thiết lập bằng văn bản có chữ ký, chữ viết của bên vay. Hai bên thiết lập giấy cam kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia ký đều có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định

của pháp luật tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên hợp đồng vay tài sản trên được xác định là hợp pháp. Nội dung của giấy cam kết các bên tự thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn thanh toán. Bên cho vay đã bàn giao đầy đủ số tiền cho bên vay, bên vay đã nhận đủ số tiền vay và phải có nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên giấy cam kết có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong giấy cam kết các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ nên thuộc trường hợp Hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Xét về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều xác định tính đến ngày 21/02/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 1.557.000.000đồng. Bị đơn đã thừa nhận việc sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình. Trong giấy cam kết bị đơn hẹn trả số tiền 557.000.000đồng vào cuối tháng 02 năm 2022 (âm lịch) và sẽ trả nốt số tiền 1.000.000.000đồng vào tháng 12 năm 2022 (âm lịch). Tuy nhiên, từ tháng 12 năm 2022 (âm lịch), bị đơn không trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm vay cho đến khi nguyên đơn khởi kiện. Xét thấy các bên đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Bên cho vay đã giao đủ tiền 1.557.000.000đồng và bên vay đã nhận đủ số tiền vay, hai bên cho nhau vay tiền được thiết lập thành văn bản là giấy cam kết lập ngày 21/02/2022 do chị T là người trực tiếp viết, trong giấy cam kết thể hiện đúng chữ viết, chữ ký của anh B, chị T. Tuy nhiên việc vay nợ của chị T anh B chưa trả được nợ gốc, nợ lãi cho anh V là do làm ăn kinh tế khó khăn, chị T anh B đề nghị khi nào có đủ điều kiện sẽ trả nợ cho anh V. Do đó, có căn cứ xác định chị T anh B vay tiền của anh V số tiền gốc 1.557.000.000đồng là đúng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn V, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 1.557.000.000đồng.

[2.3]. Đối với yêu cầu về số tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày mặc dù trong Giấy cam kết mà các bên lập không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thống nhất với nhau bằng lời nói về lãi suất. Nguyên đơn tính mức lãi suất 13%/năm (lãi suất Ngân hàng tại thời điểm cho vay theo năm có quy ra ngày là 01 năm bằng 365 ngày) là phù hợp với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm cho vay. Bị đơn cũng nhất trí, do vậy mức lãi suất hai bên thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định Điều

468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc tính lãi suất là 13%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thừa nhận từ khi vay đến khi nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn chưa trả tiền lãi phát sinh lần nào theo Giấy cam kết là đúng nhưng do khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán được, đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu miễn lãi của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử 17/9/2024 là 554.354.000đồng, ngoài ra nguyên đơn anh V yêu cầu bị đơn chị T anh B tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn V.

Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc, nợ lãi cho anh Hà Văn V tạm tính đến ngày xét xử 17/9/2024 với tổng số tiền 2.111.354.000đồng (trong đó: Nợ gốc 1.557.000.000đồng, nợ lãi 554.354.000đồng). Chị T, anh B tiếp tục phải trả lãi phát sinh kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử (18/9/2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành trả khoản tiền trên thì phải trả lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T, anh Ngô Đức B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.227.080đồng.

Hoàn trả anh Hà Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000116 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà